

Số: 21 /2013/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 21 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 01/9/2010 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 55/2012/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng;

Theo đề nghị của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch tại Tờ trình số 64/TTr-TTXX ngày 10 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 01/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

a) Sửa đổi Khoản 2, Điều 4 như sau: Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: Thành phố Bạc Liêu.

b) Sửa đổi Điều 11 như sau: Quy định về đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu: Áp dụng theo quy định hiện hành tại thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành.

c) Sửa đổi Điểm a, Khoản 3, Điều 12 như sau: Các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn phục vụ cho cộng đồng được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất, hoặc được nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất.

d) Sửa đổi Khoản 9, Điều 12: Kể từ ngày dự án hoàn thành đưa vào hoạt động, cụ thể như sau:

- 03 (ba) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư, tại cơ sở sản xuất kinh doanh mới của tổ chức kinh tế thực hiện di dời theo quy hoạch, di dời do ô nhiễm môi trường.

- 07 (bảy) năm đối với dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- 11 (mười một) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- 15 (mười lăm) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo quy định của Chính phủ.

đ) Sửa đổi mục 2, Điểm b, Khoản 5, Điều 23: Khi các thủ tục đầu tư hoàn thành, nhà đầu tư tập hợp đầy đủ hồ sơ gửi tại Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư (hoặc thông qua Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch nộp thay khi có yêu cầu). Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và ra phiếu hẹn trả kết quả (nếu hồ sơ đủ thành phần và số lượng theo quy định), hoặc hướng dẫn bổ sung hoàn chỉnh (hồ sơ chưa đủ thành phần và số lượng theo quy định). Quy trình thẩm tra, thẩm định hoặc có đăng ký pháp nhân mới (đăng ký kinh doanh), thực hiện theo Quyết định 17/2013/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 ban hành Quy chế phối hợp về hướng dẫn, xử lý thủ tục đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Bổ sung:

Bổ sung Điểm a, Khoản 6, Điều 12 nội dung sau: Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã được Nhà nước cho thuê đất để kinh doanh vận tải hành khách công cộng tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất đối với diện tích để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (*bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng*) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng.

Riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, việc miễn tiền thuê đất theo quy định nêu trên được áp dụng đối với mọi địa bàn mà không bị giới hạn trong phạm vi tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh.


Đối với diện tích không sử dụng vào mục đích nêu trên (*nếu có*) phải nộp tiền thuê đất theo quy định hiện hành.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy - HĐND tỉnh (*thay b/c*);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (*để giám sát*);
- Cục Kiểm tra VBQPPL,
Bộ Tư pháp (*kiểm tra*);
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (*tự kiểm tra*);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học
(*đăng Công báo*);
- Lưu: VT (Vi-024). 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH 




Lê Minh Chiến